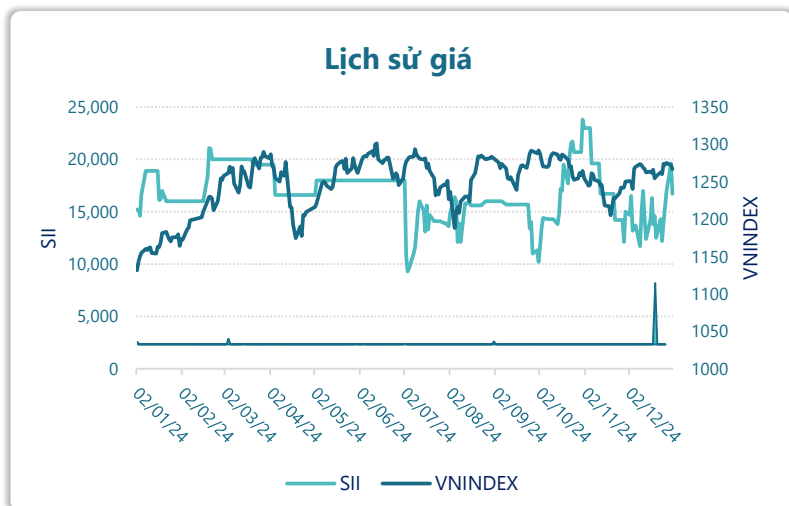


CTCP Hạ tầng nước Sài Gòn (UPCOM: SII)



Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	16,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	23,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	9,300
SL cổ phiếu LH	64,522,104
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,725
% sở hữu nước ngoài	48.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,078
P/E	1.6
EPS	10,228

DT thuần

Q4/24

65.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1.50 | -2.3%

YoY: ▼1.70 | -2.6%

LN sau thuế

Q4/24

675

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 678 | 21873%

YoY: ▲ 682 | 10055%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

278%

+/- YoY: ▲ 259%

DT thuần

2024

265

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 22.0 | 9.0%

LN sau thuế

2024

668

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 707 | 1830%

ROE

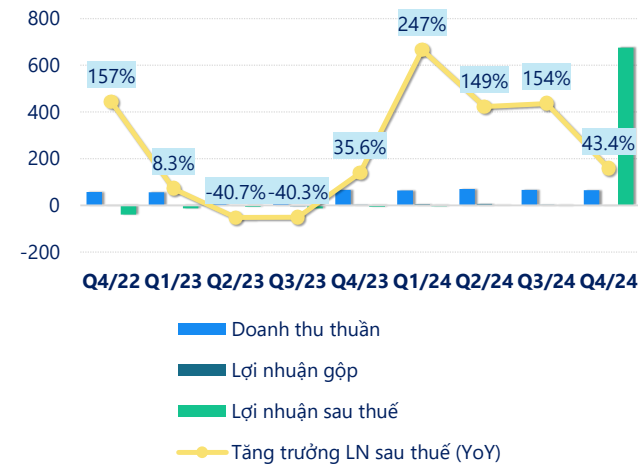
2024

54.6%

+/- YoY: ▲ 58.4%

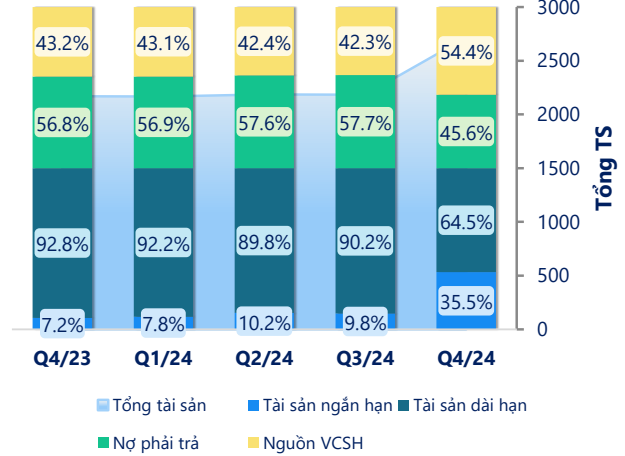
tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh

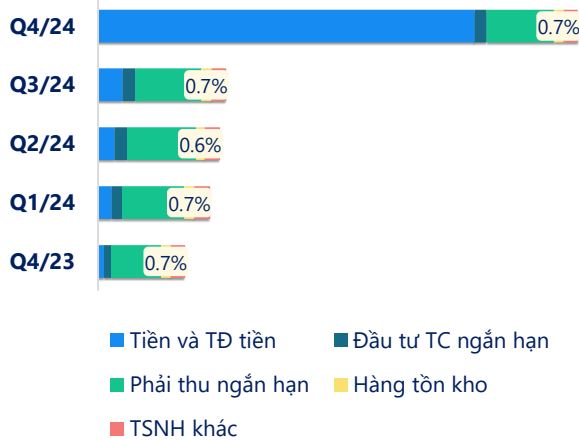


Cơ cấu Tổng tài sản

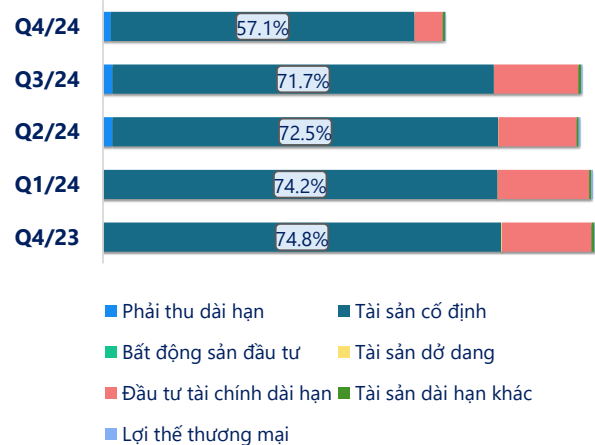
tỷ VNĐ



Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

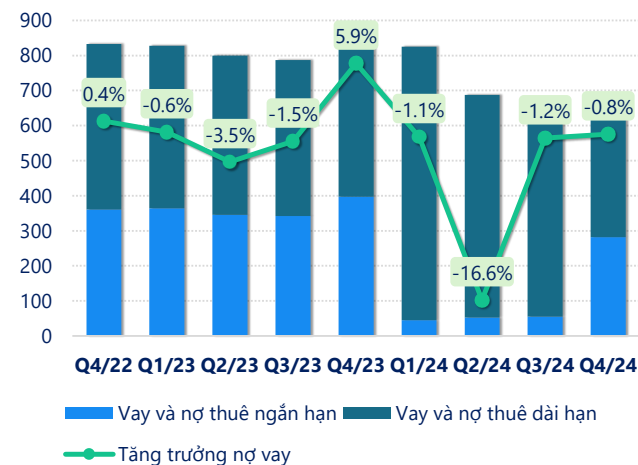


Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



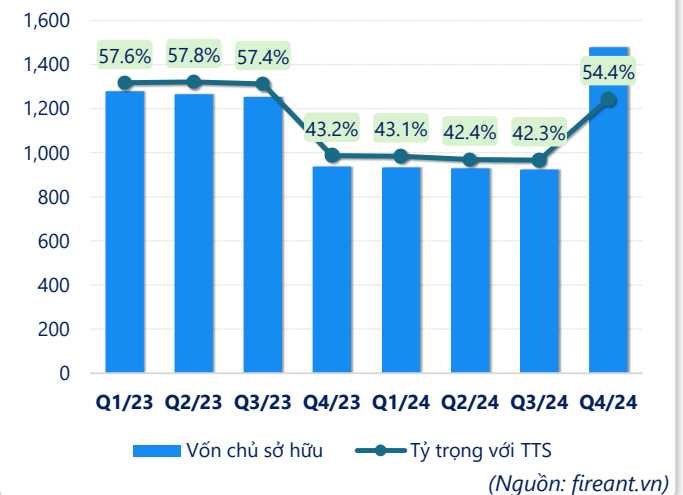
tỷ VNĐ

Nợ vay

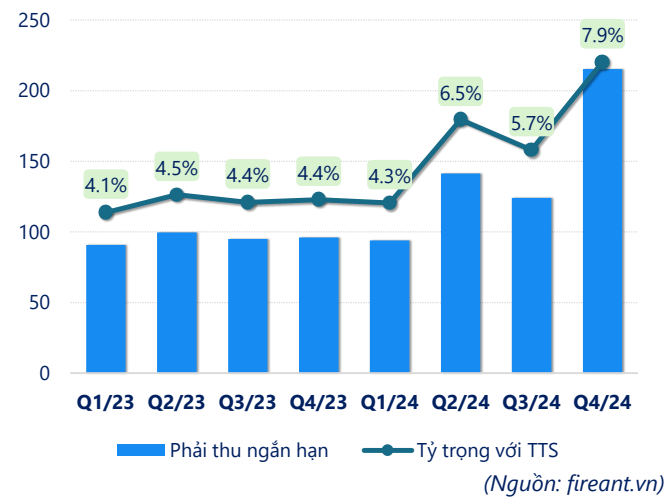


tỷ VNĐ

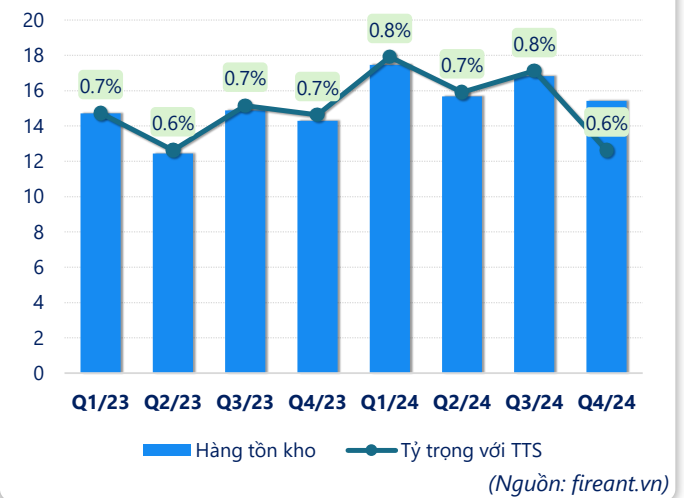
Vốn chủ sở hữu



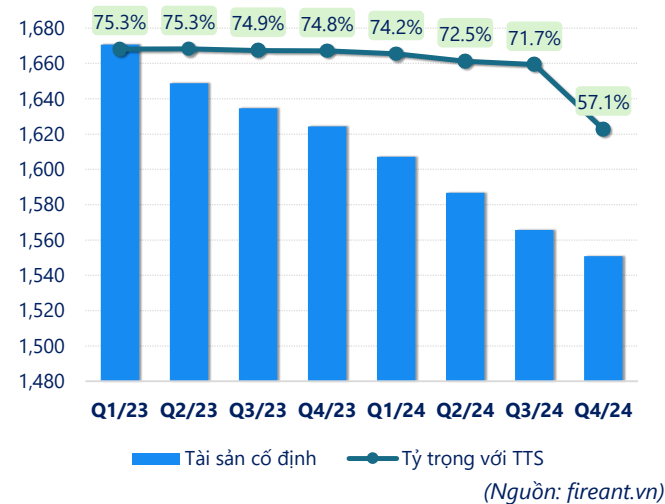
tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


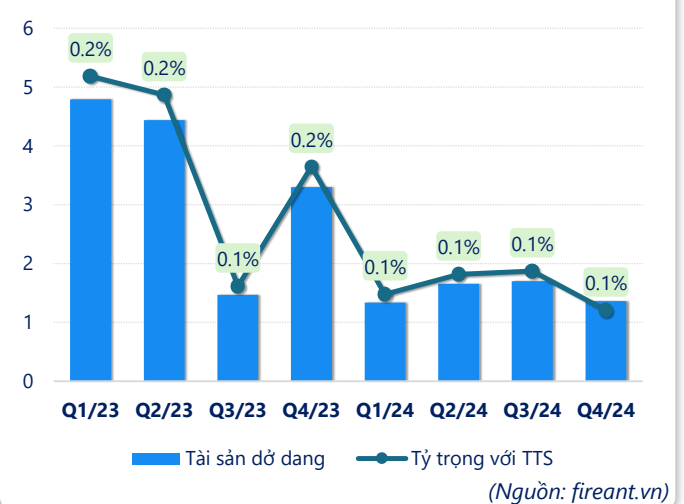
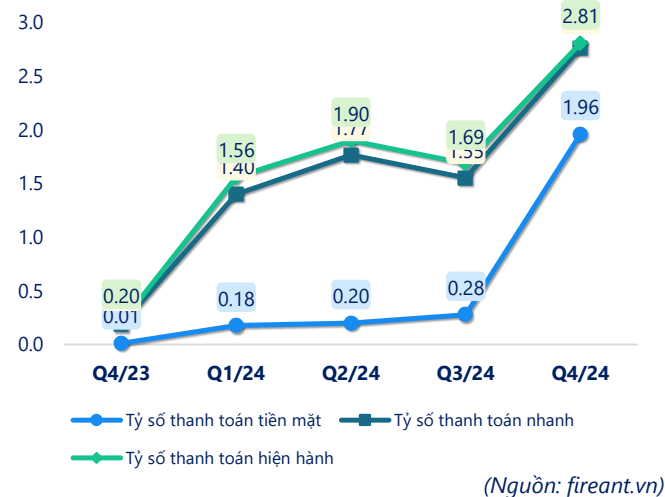
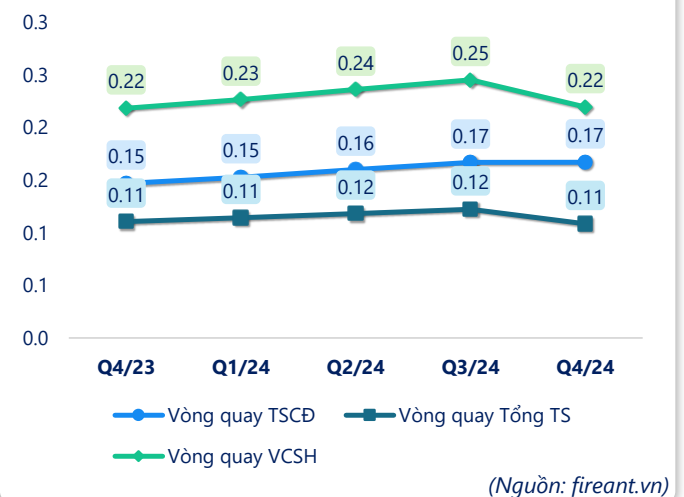
tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


tỷ VNĐ

Tài sản cố định


tỷ VNĐ

Tài sản dở dang

Chỉ số thanh khoản

Vòng quay tài sản


CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	2,170	2,167	2,188	2,183	2,717
Tài sản ngắn hạn	156	170	223	214	964
Tiền và tương đương tiền	8.41	19.2	23.6	35.3	674
Đầu tư tài chính ngắn hạn	17.0	18.2	22.8	17.5	22.3
Phải thu ngắn hạn	96.0	94.0	141	124	215
Hàng tồn kho	14.3	17.5	15.7	16.8	15.4
Tài sản ngắn hạn khác	20.0	21.2	19.7	20.3	37.3
Tài sản dài hạn	2,015	1,997	1,965	1,969	1,753
Phải thu dài hạn	0.11	0.11	39.1	39.1	40.2
Tài sản cố định	1,624	1,607	1,587	1,566	1,551
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	3.30	1.34	1.66	1.70	1.36
Đầu tư tài chính dài hạn	366	372	321	345	143
Tài sản dài hạn khác	12.9	8.25	9.59	11.4	12.0
Lợi thế thương mại	8.28	7.59	6.90	6.21	5.52
Nợ phải trả	1,233	1,234	1,259	1,260	1,239
Nợ ngắn hạn	763	109	117	127	343
Vay và nợ thuê ngắn hạn	398	44.6	52.5	55.2	282
Phải trả người bán ngắn hạn	349	37.6	31.0	31.8	25.6
Nợ dài hạn	470	1,125	1,142	1,133	895
Vay và nợ thuê dài hạn	436	780	636	625	392
Nguồn vốn chủ sở hữu	937	933	929	923	1,478
Vốn chủ sở hữu	937	933	929	923	1,478
Vốn điều lệ	645	645	645	645	645
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)